

ĐỒNG USD VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU

E. G. AVDEEVA. Dollar i globalnyi ekonomicheskii krizis. USA – Canada. No.9.2010, st. 119-126.

MAI LINH
dịch

Mặc dù vai trò của đồng USD trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và trong tương lai của hệ thống tiền tệ thế giới đang bị hoài nghi nhưng tác giả bài viết vẫn cho rằng, trong thập niên sắp tới, USD vẫn là đồng tiền dự trữ quốc tế chính và phải khá lâu nữa nó mới bị suy yếu.

Trong những năm 2007-2008, sự sụp đổ của thị trường chứng khoán đã gây ra cuộc khủng hoảng tài chính ở Mỹ mà sau đó đã lan rộng và trở thành cuộc khủng hoảng toàn cầu. Chính sách chống khủng hoảng đã làm cho vấn đề thâm hụt ngân sách Mỹ trở nên gay gắt thêm. Sự vỡ nợ của các ngân hàng đầu tư cùng với vấn đề tài chính quốc gia của Mỹ đang đặt ra những vấn đề về vị thế đồng USD trên vũ đài quốc tế trong diễn tiến cuộc khủng hoảng và về tính hợp lý của việc đầu tư và thực hiện các thanh toán quốc tế bằng đồng USD trong tương lai.

Đồng USD đang là đồng tiền dự trữ chính của thế giới: phần lớn các dự trữ tiền tệ của thế giới được quy giá trị bằng đồng USD. Bởi vì các đồng tiền dự trữ đóng vai trò tối quan trọng (chúng được dùng để thanh toán giữa các nước trong thương mại quốc tế, để đầu tư trên khắp thế giới, để lập các khoản dự trữ tiền tệ

và để phát hành các văn tự nợ) nên những nước phát hành đồng tiền dự trữ phải có các thị trường tài chính phát triển, nền kinh tế mở lớn, quy mô hoạt động kinh tế đối ngoại đáng kể, di chuyển tự do vốn và không có các hạn chế về tiền tệ. Sức mua của đồng tiền dự trữ phải ổn định. Các văn tự nợ trở thành các tài sản dự trữ khi chúng được mua bởi các nước có cán cân thương mại dương từ các nước có cán cân thương mại âm. Ban đầu, các đồng tiền dự trữ được sử dụng chủ yếu để thanh toán trên các thị trường hàng hoá dầu mỏ, vàng, còn hiện nay - để tích lũy các khoản tiền dự trữ được bảo đảm bằng vàng nhằm hỗ trợ xuất khẩu và ngăn ngừa sự mạnh lên quá mức của các đồng tiền quốc gia. Các nước có các khoản dự trữ tiền tệ đáng kể đã có thể tránh được sự sụp đổ đồng tiền của mình trong diễn tiến của cuộc khủng hoảng tính thanh khoản năm 2008.

Thực chất hệ thống tiền tệ thế giới hiện nay là ở chỗ, Mỹ có thể bù đắp sự thâm hụt lớn trong tài khoản vãng lai của mình khi bán các văn tự nợ cho các đối tác thương mại. Tín dụng là một bộ phận quan trọng của thương mại quốc tế và nó đã thúc đẩy phát triển kinh tế của các nước xuất khẩu. Tuy nhiên, bản vị USD có những khiếm khuyết và điều đó dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Ở những nước có cán cân thương mại dương, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đang gây ra sự quá nóng của nền kinh tế và các cuộc khủng hoảng. Việc tái đầu tư lợi nhuận vào những tài sản ngân hàng của Mỹ - những tài sản đó được định giá bằng đồng USD - đã trở thành nguyên nhân làm giảm giá trị của những tài sản này. Mỹ đã tích tụ được khoản nợ nước ngoài lớn, còn kinh tế của các nước lạc hậu phụ thuộc vào xuất khẩu đến Mỹ. Điều đó góp phần làm tăng tính không bền vững của nền kinh tế thế giới và tạo ra các bong bóng kinh tế.

Năm 2007, P. Krugman - người từng được giải Nobel - đã dự báo rằng, thâm hụt tài khoản vãng lai trong cán cân thanh toán của Mỹ sẽ dẫn đến sự mất giá dần dần của đồng USD, các nhà đầu tư sẽ bị thiệt hại, sau đó, các dự tính về tỷ giá đồng USD sẽ thay đổi và do đó, đồng USD bị mất giá mạnh. Tuy nhiên, sự giảm giá của đồng USD không có lợi cho cả châu Âu lẫn châu Á.

Cuộc khủng hoảng trên thị trường cầm cố Mỹ bắt đầu vào năm 2007. Trong buổi giao thời giữa năm 2007 và 2008, Mỹ bước vào giai đoạn ngưng trệ, nạn thất nghiệp trong nước tăng lên, các khoản chi cho tiêu dùng giảm xuống, Hệ thống dự trữ Liên bang Mỹ đã giảm các mức lãi suất cơ bản, tỷ giá đồng USD giảm. Vào tháng 3/2008, Hệ

thống dự trữ Liên bang Mỹ đã bơm tiền để cứu ngân hàng đầu tư *Bear Stearns*. Sau đó, cuộc khủng hoảng lan ra các nước châu Âu, các chỉ số kinh tế ở những nước này đều giảm, các ngân hàng lớn nhất châu Âu đều bị quốc hữu hoá. Từ tháng 7/2008, đồng USD bắt đầu mạnh lên so với đồng Euro. Nhưng đến ngày 15/9/2008, *Lehman Brothers* bị phá sản, tiếp sau đó là sự phá sản của các ngân hàng đầu tư khác cũng như các công ty chứng khoán quốc gia *Fannie Mae* và *Freddie Mac*, điều này đã dẫn đến sự sụp đổ của thị trường chứng khoán. Gặp phải những tổn hại nặng nề trên thị trường chứng khoán, các nhà đầu tư đã chuyển sang đầu tư vào đồng USD khiến đồng USD đắt lên rất nhanh, trong khi đó mức sinh lời của các kỳ phiếu kho bạc của Mỹ giảm xuống còn bằng không. Mùa thu 2008, cuộc khủng hoảng tính thanh khoản đã lan tới toàn thế giới, các ngân hàng trung ương của nhiều nước áp dụng một loạt biện pháp nhằm cải thiện tình hình thanh khoản, cuộc khủng hoảng đã chuyển thành cuộc khủng hoảng kinh tế. Tháng 10/2008, Mỹ đã phê chuẩn chương trình hỗ trợ của nhà nước cho lĩnh vực tài chính và nó được biết đến như là "Kế hoạch Polson". Từ năm 2009, việc thực hiện chương trình hỗ trợ cho khu vực kinh tế thực của nền kinh tế Mỹ và cấp tài chính cho ngân sách Mỹ được bắt đầu. Sự thu hẹp tín dụng đã được hoàn tất và tỷ giá đồng USD bắt đầu giảm.

Nếu năm 2008, tổng thâm hụt ngân sách Mỹ chỉ là 454,8 tỷ USD (3,2% GDP) thì chỉ số này của năm 2009 đã tăng 3 lần, thành 1409 tỷ USD (9,9% GDP). Mức tăng thâm hụt ngân sách đó là do sự tăng mạnh các chi tiêu của

chính phủ và giảm các khoản thu từ thuế. Cái đòi hỏi nhiều vốn nhất là Chương trình của chính phủ về “Mua lại các tài sản ngân hàng có vấn đề” (*Troubled Asset Relief Program – TARP*) và những văn tự nợ của các công ty chứng khoán *Fannie Mae* và *Freddie Mac* cũng như việc thực hiện “Chương trình kích thích kinh tế”.

khu vực đồng Euro là 10%, còn ở Mỹ giảm xuống còn 9,7% (bảng dưới).

Xu hướng ban đầu về sự suy yếu của đồng USD so với đồng Euro do khủng hoảng tài chính Mỹ đã bị thay thế bằng sự suy yếu của đồng Euro so với đồng USD do những vấn đề tài chính quốc gia ngày càng gia tăng ở các nước thuộc khu vực đồng Euro. Theo những số liệu thống

Các chỉ số kinh tế của EU và Mỹ			
	2007	2008	2009
Mức tăng GDP thực tế, %			
Khu vực đồng Euro (16 nước)	2,8	0,6	-4,1
Liên minh châu Âu (27 nước)	2,9	0,7	-4,2
Mỹ	2,1	0,4	-2,4
Lạm phát, %			
	2007	2008	2009
Khu vực đồng Euro (16 nước)	2,1	3,3	0,3
Liên minh châu Âu (27 nước)	2,3	3,7	1,0
Mỹ	2,8	3,8	-0,4
Thất nghiệp, %			
	Tháng 3/2009	Tháng 12/2009	Tháng 2/2010
Khu vực đồng Euro (16 nước)	9,1	9,9	10
Liên minh châu Âu (27 nước)	8,5	9,4	9,6
Mỹ	8,6	10,0	9,7

Chủ tịch Hệ thống dự trữ Liên bang Mỹ Ben Bernanke đã tuyên bố rằng, nước Mỹ đang tăng cường chú ý đến vấn đề mất giá của đồng USD và sẵn sàng bảo vệ để nó ổn định được hệ thống tài chính thế giới, tuy nhiên, nếu không giảm thâm hụt ngân sách và mức độ thất nghiệp thì không thể củng cố được đồng USD.

Đồng Euro luôn được coi là một đối trọng với USD. Tuy nhiên, toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới đã làm cuộc khủng hoảng từ Mỹ lan rộng đến châu Âu. Năm 2009, mức giảm GDP ở khu vực đồng Euro là 4,1% trong khi ở Mỹ là 2,4%. Tháng 2/2010, tỷ lệ thất nghiệp ở

kê đã được minh chứng của Cơ quan thống kê châu Âu năm 2009, nợ quốc gia của Hy Lạp là 115,1% GDP, còn thâm hụt ngân sách là 13,6% GDP; nợ quốc gia của Italia là 115,8% GDP; thâm hụt ngân sách của Tây Ban Nha là 11,2% GDP, của Bồ Đào Nha là 9,4% GDP. Cần lưu ý rằng, theo Hiệp ước Maastricht, thâm hụt ngân sách không được vượt quá 3% GDP, còn nợ quốc gia không được vượt quá 60% GDP.

Tháng 3/2010, các nước khu vực đồng Euro đã phê duyệt kế hoạch giúp đỡ Hy Lạp mà theo đó, các nước khu vực đồng Euro phải cung cấp 2/3 khoản tín dụng cho Hy Lạp, phần còn lại do IMF cung cấp. Sự giúp đỡ chỉ được thực hiện trong

trường hợp tối cần thiết, nếu Hy Lạp không thể tự chủ tái cấp vốn cho những văn tự nợ trên thị trường nợ, đồng thời, mỗi nước – thành viên khu vực châu Âu – đều có quyền phủ quyết, và nguyên tắc này được áp dụng cho bất kỳ nước nào thuộc khu vực đồng Euro. Hy Lạp hy vọng rằng, kế hoạch này sẽ lấy lại niềm tin đối với các văn tự nợ của Hy Lạp để đáp lại công sức mà các nước thuộc khu vực đồng Euro đã bỏ ra để giữ vững đồng tiền này. Mặc dù vậy, các nhà đầu tư đang đòi hỏi mức phí bảo hiểm đáng kể cho các trái phiếu của Hy Lạp.

Phản ứng của các nước hàng đầu EU trước tình hình ở Hy Lạp và số mệnh của khu vực đồng Euro hoàn toàn không giống nhau. Đức phản đối việc trợ giúp tài chính cho Hy Lạp vì cho rằng, Hy Lạp phải tự giải quyết các vấn đề của mình. Thủ tướng Đức A. Merkel đã đưa ra đề nghị khai trừ các nước liên tục phá vỡ những yêu cầu của liên minh tiền tệ ra khỏi khu vực đồng Euro, và cho rằng tình hình ở Hy Lạp là phức tạp nhất đối với đồng Euro kể từ năm 1999. Thủ tướng Italia S. Berlusconi cho rằng, sự vỡ nợ ở Hy Lạp đang gây ra sự sụp đổ của đồng Euro và các thiệt hại sẽ lớn hơn số tiền được chi để cấp tín dụng cho Hy Lạp. Pháp thì kêu gọi các nước khu vực đồng Euro giúp đỡ Hy Lạp nhưng cũng không mặn mà với việc IMF cung cấp tài chính cho Hy Lạp vì cho rằng điều đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đồng Euro.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu là một vấn đề lớn đối với khu vực đồng Euro. Trước đây, mục đích của việc thành lập khu vực đồng Euro là giảm các biến động hỗn loạn (thất thường) của các tỷ giá đồng tiền và giảm sự phụ thuộc vào các hoạt động đầu cơ. Tuy nhiên tình hình tài chính nhà nước của các nước

tham gia khu vực đồng Euro rất khác nhau và điều đó đưa đến các biện pháp khác nhau trong chính sách tiền tệ-tín dụng, trong khi đó, sau khi gia nhập liên minh tiền tệ, các nước phải thực thi chính sách tiền tệ thống nhất (tự bản thân điều này đã gây ra những vấn đề về tính hợp lý của sự thành lập khu vực đồng Euro). Nếu một nước thành viên khu vực đồng Euro tuyên bố vỡ nợ, nước đó sẽ buộc phải ra khỏi liên minh tiền tệ, để áp dụng cơ chế phát hành về cung cấp tài chính, và có thể nước đó sẽ phải ra khỏi EU. D. Soros và N. Rubini (người từng được giải Nobel) đã tuyên bố rằng, tình hình ở Hy Lạp có thể dẫn đến sự sụp đổ của khu vực đồng Euro. Tuy nhiên, chủ tịch Ngân hàng trung ương châu Âu Jean-Claude Trichet đã bác bỏ khả năng các nước phải ra khỏi khu vực đồng Euro.

Nguy cơ vỡ nợ đã treo không chỉ trên đầu châu Âu. Tháng 11/2009, tập đoàn nhà nước *Dubai World*, Các tiểu vương quốc A-rập thống nhất, đã tuyên bố hoãn thanh toán các giấy vay nợ của mình 6 tháng. Điều này đã làm giảm các chỉ số chứng khoán trên toàn thế giới. Nguyên nhân của sự vỡ nợ tiềm tàng đó chính là cuộc khủng hoảng trên thị trường bất động sản với sự giảm giá lên tới gần 50%. Các ngân hàng của Vương quốc Anh là các chủ đầu tư chính vào Dubai. Hiện tại, *Dubai World* đã tránh được vỡ nợ vì đã nhận được sự giúp đỡ tài chính của tiểu vương quốc Abu-Dhabi cũng như các bảo đảm của Nhà nước.

Trung Quốc và chính sách tiền tệ của đất nước này cũng ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Mỹ. Năm 2009, Trung Quốc đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới, và chỉ riêng

thâm hụt thương mại của Mỹ trong thương mại với Trung Quốc đã là 50%. Trung Quốc đi theo chính sách đồng nhân dân tệ (NDT) yếu. Tỷ giá thấp của đồng NDT đang làm giảm năng lực cạnh tranh của các nhà sản xuất Mỹ. Trong suốt cuộc khủng hoảng, Mỹ và châu Âu đã gây áp lực với CHND Trung Hoa và đưa ra yêu cầu nâng tỷ giá đồng NDT. Các bên đã không ít lần rơi vào tình trạng bên bờ cuộc chiến tranh thương mại, Mỹ đã nêu ra khả năng tăng cường bảo vệ các nhà sản xuất trong nước bằng cách áp dụng hoặc nâng cao các hàng rào thương mại. Theo đánh giá do các nhà kinh tế Mỹ tiến hành, sự giảm tỷ giá đồng NDT sẽ dao động trong phạm vi từ 10-40%. Tuy nhiên, dù có nhiều cuộc đàm phán về chính sách tiền tệ, trong suốt diễn tiến của cuộc khủng hoảng từ tháng 7/2008, tỷ giá đồng NDT gần như vẫn không thay đổi. Các nhà kinh tế Trung Quốc tuyên bố sẽ để tâm đến việc tăng dần giá đồng NDT một cách có kiểm soát, nhưng hoàn toàn không nói đến sự thay đổi đột ngột tỷ giá tiền tệ, hơn nữa, chỉ thay đổi khi tính đến các nhu cầu của nền kinh tế Trung Quốc và các biện pháp bảo hộ mậu dịch mà các đối tác thương mại có thể áp dụng.

Tuy nhiên, sự tăng đáng kể quy mô kinh tế của Trung Quốc tất yếu dẫn đến sự gia tăng vị thế của đồng NDT trên vũ đài quốc tế. Do đó, xuất hiện các ý kiến về sự cần thiết phải mở rộng số lượng các đồng tiền dự trữ và về việc chuyển đổi tự do đồng NDT. Tuy nhiên, ngoài độ lớn của nền kinh tế, đất nước cần phải có thị trường tài chính phát triển, sự di chuyển tự do vốn, bởi vì đồng tiền dự trữ thế giới phải bảo đảm cơ hội cho những đầu tư vào các tài sản tài chính cũng như cơ hội

mua các hàng hoá và dịch vụ một cách không hạn chế. Nhưng thị trường chứng khoán Trung Quốc chưa phát triển mạnh, sự di chuyển vốn thì còn hạn chế. Ngoài ra, nguy cơ tái cấp tín dụng và nóng lên quá mức của nền kinh tế Trung Quốc - thể hiện ở giá bất động sản ở Trung Quốc khá cao - vẫn đang hiện hữu. Các nhà cầm quyền Trung Quốc đã tuyên bố cần giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng mới và đã nâng cao định mức dự trữ bắt buộc. Trung Quốc coi kích thích tiêu dùng trong nước là một trong những biện pháp giữ vững các tốc độ tăng trưởng trong thập niên sắp tới.

Trung Quốc đang giữ vị trí số một thế giới về lượng dự trữ tiền được bảo đảm bằng vàng, hơn thế nữa, theo các đánh giá, gần 70% dự trữ tiền tệ của Trung Quốc là các tài sản ngân hàng của Mỹ, trong đó chủ yếu là các trái phiếu quốc gia. Trung Quốc là chủ sở hữu chính các trái phiếu quốc gia của Mỹ. Trung Quốc đã từ bỏ đầu tư vào các tài sản ngân hàng có tính mạo hiểm, ưu tiên đầu tư vào các trái phiếu có sự bảo đảm của Nhà nước, đồng thời, Trung Quốc cũng đang tiến tới tăng tỷ phần của vàng trong các khoản dự trữ vì lo ngại rằng, cuộc khủng hoảng cũng như sự tiếp tục gia tăng nợ nhà nước và sự thâm hụt ngân sách của Mỹ sẽ dẫn đến sự hạ giá của đồng USD và sự giảm giá trị của các khoản dự trữ tiền của Trung Quốc. Trong khi đó, nền kinh tế Mỹ cần phân phối các trái phiếu nhà nước với những số lượng lớn do sự gia tăng thâm hụt ngân sách nhà nước, do đó, những đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư của Trung Quốc, có ý nghĩa to lớn đối với nền kinh tế Mỹ.

Từ ngày 1/1/2010, cùng với sự thành lập khu vực kinh tế tự do giữa Trung

Quốc và ASEAN, vị thế của Trung Quốc ở Đông Nam Á đã mạnh lên. Các hiệp định trao đổi tiền tệ giữa các bên đã được ký kết, ngoài ra, đồng NDT được sử dụng làm đồng tiền thanh toán trong một loạt hiệp định với các nước khác, Hong Kong đã phát hành các trái phiếu được định giá bằng đồng NDT – và chính bằng cách đó, Trung Quốc đang cố thủ làm suy giảm vị thế của đồng USD và đồng Euro ở khu vực.

Các nước khối BRIC (gồm Brasil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) đang xem xét khả năng chuyển một phần các thanh toán của mình sang dùng nội tệ để giảm vai trò của đồng USD trong lưu thông thương mại. Trung Quốc dự định bắt đầu bán các chứng khoán được định giá bằng đồng NDT thu đồng Rup của Nga, đồng Won của Hàn Quốc, đồng Ringgit của Malaysia, và điều đó được hiểu là sự xác lập tỷ giá của đồng NDT với các đồng tiền này. Hiện nay, đồng NDT được định giá bằng đồng USD, Euro, Bảng Anh, Yên và Đôla Hong Kong. Tháng 3/2010, Chính phủ Trung Quốc đã đề nghị bắt đầu mua bán bằng đồng NDT trên các thị trường chứng khoán Nga. Ngân hàng Nga cũng quan tâm đến việc đa dạng hoá các khoản dự trữ tiền tệ bằng những đầu tư vào đồng NDT, bởi vì Trung Quốc là một trong những đối tác thương mại chính. Tuy nhiên, điều đó chỉ khả thi sau khi có sự tự do hoá trong hoạt động với các nhà đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc. Cần lưu ý rằng, gần 10 ngân hàng Nga đang làm việc với các ngân hàng Trung Quốc, nhưng hiện nay, tỷ lệ đồng NDT trong các thanh toán giữa các ngân hàng này chiếm không quá 1%. Việc dùng đồng NDT để thanh toán nhập khẩu giúp các công ty Nga giảm được chi phí thu mua.

Các nước SNG cũng có kế hoạch tăng cường sử dụng nội tệ trong các thanh toán. Chẳng hạn, Nga và Belarus thường dùng đồng Rúp trong thương mại qua lại, Liên minh thuế quan giữa Nga, Belarus và Kazakhstan cũng đã bắt đầu đi vào hoạt động. Ngoài ra, các hiệp định trao đổi tiền tệ giữa các nước SNG cũng đã được ký kết. Bộ tài chính Nga đề nghị tiến hành định giá đồng tiền của các nước thành viên SNG. Tuy nhiên, vấn đề chính trên con đường tiến tới thanh toán tự do là ở các rào cản pháp lý mà các ngân hàng nước ngoài gặp phải khi bước vào thị trường tiền tệ của Nga.

Trên thế giới, các xu hướng khu vực hoá không gian tiền tệ và xây dựng đồng tiền chung giữa các quốc gia vẫn đang được duy trì. Từ năm 2010, nhằm giảm sự phụ thuộc vào đồng USD Mỹ, 9 nước Trung Mỹ và Nam Mỹ đã áp dụng đơn vị tiền tệ ước định - đồng Sucre -, giá trị của nó bằng 1,25 USD. Bước đầu, đồng tiền này sẽ không hiện hữu bằng tiền mặt, các thanh toán bằng đồng tiền này sẽ được tiến hành giữa các nước thành viên khối “Liên minh Bolivar dành cho châu Mỹ” (ALBA) song song với các thanh toán bằng các đồng tiền quốc gia. Các nước tham gia ALBA là Bolivia, Venezuela, Honduras, Cuba, Nicaragua, Ecuador và các quốc đảo vùng biển Caribe – Antigua & Barbuda, Dominica, cũng như Saint Vincent & Grenadines. ALBA được thành lập vào năm 2004 bởi F. Castro (đại diện cho Cuba) và H.Chavez (đại diện cho Venezuela).

Tháng 3/2010, 4 nước vùng Vịnh Pec-xich (Saudi Arabia, Bahrain, Kuwait, Qatar) - thành viên của Hội đồng hợp tác các nước Ả-rập – cũng đã

tuyên bố dự định đến năm 2013 sẽ đưa vào sử dụng đồng tiền chung vùng Vịnh Pec-xich. Lúc đầu, các nước này dự định áp dụng đồng tiền chung vào năm 2010 nhưng các khác biệt trong chính sách chống khủng hoảng của họ đã làm cho điều đó chưa thể thực hiện.

Với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tỷ phần của đồng USD trong các dự trữ thế giới đã giảm đáng kể. Cơ cấu và chủng loại của các khoản tiền dự trữ được bảo đảm bằng vàng cũng có sự thay đổi. Sự gia tăng thâm hụt ngân sách nhà nước của Mỹ đang gây ra mối quan ngại chung. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có đồng tiền có giá trị có thể thay thế đồng USD và trong thời gian sắp tới cũng chưa chắc sẽ có, do đó, trong những thời điểm gay gắt nhất của cuộc khủng hoảng, các nhà đầu tư vẫn đầu tư vào đồng USD, coi nó là sự bảo đảm đáng tin cậy nhất. Nhu cầu về trái phiếu của Kho bạc Mỹ, được Nhà nước bảo đảm, đặc biệt cao. Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính đã bùng phát ở Mỹ và hệ thống các ngân hàng đầu tư Mỹ đã bị vỡ nợ, đồng USD vẫn là đồng tiền của quốc gia có sức mạnh kinh tế và hệ thống tài chính phát triển, và chính phủ của quốc gia đó chưa bao giờ để xảy ra vỡ nợ đối với các văn tự nợ của mình. Vị thế chính trị của Mỹ trên vũ đài thế giới cũng vẫn mạnh, do đó thật khó để cho rằng, Nhật Bản, các nước vùng Vịnh Pec-xich hay các nước châu Á sẽ từ chối mua đồng USD. Các nước châu Á xuất khẩu, đặc biệt là Trung Quốc, đang ở vị thế phụ thuộc trực tiếp vào thị trường Mỹ.

Đồng Euro với tính cách là đối thủ chính của đồng USD trong diễn tiến của cuộc khủng hoảng đã gặp phải những vấn đề nghiêm trọng. Bởi vì đồng Euro

là một sản phẩm nhân tạo, dựa trên sự thoả thuận của các nước - thành viên liên minh tiền tệ nên các mâu thuẫn tất yếu xuất hiện khi phải thực hiện chính sách thống nhất đối với các nước vốn khác nhau về tình hình tài chính nhà nước. Tình hình xảy ra đối với Hy Lạp nêu bật tính chất gay gắt của vấn đề, bởi vì các nước thành viên khu vực đồng Euro phải giúp đỡ bất kỳ nước nào khi nước đó ở bên bờ sự vỡ nợ, nếu không, điều đó có thể dẫn đến cuộc khủng hoảng tiền tệ và sự mất lòng tin vào đồng Euro.

Tăng trưởng kinh tế ổn định của Trung Quốc, các quy mô rộng lớn và sự tăng đáng kể vị thế của đất nước này trong thương mại thế giới trong tiến trình cuộc khủng hoảng cho phép nói đến khả năng gia tăng vai trò của đồng NDT và việc đưa nó vào nhóm các đồng tiền dự trữ thế giới. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện nay, đó là một tương lai xa bởi thị trường tài chính Trung Quốc vẫn chưa phát triển thoả đáng và ở đó vẫn còn các hạn chế đối với sự di chuyển vốn.

Xu hướng khu vực hoá không gian tiền tệ vẫn đang được duy trì, tuy nhiên, việc thành lập các liên minh tiền tệ mới còn lâu mới được hoàn tất và còn gặp nhiều trở ngại bởi các nước dự tính là thành viên của các liên minh đó phải tiến hành chính sách chống khủng hoảng của mình mà các chính sách đó lại không giống nhau.

Chú ý đến tất cả những điều nêu trên, có thể cho rằng, trong 10 năm sắp tới, đồng USD vẫn là đồng tiền dự trữ chính của thế giới, và chỉ có thể dự báo về sự giảm vị thế của nó trong một khoảng thời gian xa hơn thế.